

Đơn vị dự toán: Bệnh viện Đa khoa tỉnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH

ĐÃ NHẬP TABMIS

Số222...../QLNS

Ngày 15 tháng 3 năm 20 22

Mẫu số C6-03/NS

Số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017)
của Bộ Tài chính
Số: (2)..... Năm NS: 2022

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19 (tháng 12/2021)

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		272.765.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	257/QĐ-SYT	03/03/2022	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	272.765.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
																
...	...	...														

Hạ long, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (5)

Người nhập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Trung

Nguyễn Thị Vinh

Nguyễn Bá Việt

Nguyễn Việt Khoa

Hoàng Việt Chăng

Hà Thị Thanh Lê



Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 02 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2021**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

**Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng,
chống dịch COVID-19(tháng 12/2021)**

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	272.765.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly;	15.680.000	Kinh phí T12/2021 theo Nghị quyết 16/NQ-CP
2	Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)	44.655.000	
4	Phụ cấp chống dịch	167.050.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân F0 tại bệnh viện	1.280.000	
6	Kinh phí cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND tỉnh	44.100.000	NQ 36 HĐND tỉnh
2	Nhiệm vụ B		
			
	Tổng số	272.765.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kê toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Bá Việt

Số: 257/QĐ-SYT

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 12/2021)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế thực hiện chi chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Tháng 12 năm 2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 12/2021).

Số tiền: **3.641.270.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí phụ cấp đặc thù và các chi phí theo NQ 16/NQ-CP: 3.290.420.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn F0, F1 và hỗ trợ khác theo NQ 68/NQ-CP: 350.850.000 đồng.

(Chi tiết đơn vị theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 16/NQ-CP, 68/NQ-CP. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.



TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Chi phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly		Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			KP cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HBND Tỉnh			Ban chỉ đạo các cấp			Chi khác PI 1,8	Tiền ăn F0 F1 và hỗ trợ khác theo NQ 68
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)		
	Tổng cộng:	3.641.270	325	3.445	78.680	353	960.043	624	5.790	1.510.500	244	1.559	202.605	138	2.191	172.680	286	1.782	178.150	1	12	1.200	186.562	350.850
1	TTYT Móng Cái (bv số 1)	1.150.047	212	2.286	32.320	192	587.745	38	791	204.050	13	62	8.060	24	576	46.080	12	91	9.100				85.882	176.810
2	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	381.780	0	0	0	0	0	85	1.166	307.000	13	106	13.780	37	720	55.000	4	60	6.000					
3	TT kiểm soát bệnh tật	201.030						55	502	146.600	46	391	50.830				26	36	3.600					
4	Bệnh viện ĐK tỉnh	272.765				0	0	105	569	167.050	54	344	44.655	23	196	15.680	69	441	44.100					1.280
5	BV ĐKKV Cẩm Phá	167.229	0	0	0			42	322	86.600	22	101	13.130	10	128	10.240	20	120	12.000	1	12	1.200	44.059	
6	BV ĐK Cẩm Phá	83.745	0	0	0	1	5.535	38	285	68.150	4	6	780	7	116	9.280	0	0	0					
7	TTYT Đầm Hà	90.720	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				0	90.720
8	TTYT Tiên Yên	290.395	41	475	19.000	57	124.945	38	398	93.400	8	31	4.030	12	136	10.880	30	93	9.300	0	0	0		28.840
9	TTYT Ba Chẽ	68.506				6	13.736	27	153	39.400	6	59	7.670		0	0	11	77	7.700					
10	TTYT Bình Liêu	133.301	4	48	1.920	4	14.280	39	200	49.650	3	13	1.690	2	26	2.080	14	53	5.300				56.621	1.760
11	TTYT Cô Tô	7.130						0	0	0	4	31	4.030	0	0	0	12	31	3.100					
12	TTYT Hạ Long	210.240						48	522	136.500	33	238	30.940	0	0	0	26	428	42.800				0	
13	TTYT Uông Bí	55.170						29	178	39.000	14	49	6.370	0	0	0	20	98	9.800					
14	TTYT Hải Hà	327.882	68	636	25.440	93	213.802	15	150	22.500	24	128	16.640	0	0	0	3	3	300					49.200
15	Bệnh viện Sản Nhi	180.790				0	0	65	554	150.600	0	0	0	23	293	23.440	15	68	6.750					
16	Bệnh viện Lão khoa Phục hồi chức năng																							



Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Ngày ký: 25/03/2022 17:10:57
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành
thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT3/ 220324_1017339_2811002
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HDK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 12/2021	6114	423	132	12	160.050.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 12/2021	6114	423	132	12	7.000.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia thường trực phòng chống dịch Tháng 12/2021	6114	423	132	12	44.655.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT làm nhiệm vụ phân luồng tại CSKBCB Tháng 12/2021	6114	423	132	12	44.100.000
Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 12/2021	7799	423	132	12	15.680.000
Tổng cộng					271.485.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ long - QN

Tài khoản: 440280701009

Tại KBNN (NH): Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN QN

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 24/03/2022 14:12:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 24/03/2022 17:16:48
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 25/03/2022 10:49:08
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 25/03/2022 11:21:27
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 220324_1017339_2811003

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 220324_1017339_2811002 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 12
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒

Tạm ứng ☐

Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			.DT3	24/03/2022	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 12/2021	534,00	300.000	300.000	160.050.000
2			.DT3	24/03/2022	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 12/2021	35,00	200.000	200.000	7.000.000
3			.DT3	24/03/2022	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia thường trực phòng chống dịch Tháng 12/2021	344,00	130.000	130.000	44.655.000
4			.DT3	24/03/2022	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT làm nhiệm vụ phân luồng tại CSKBCB Tháng 12/2021	441,00	100.000	100.000	44.100.000
5			.DT3	24/03/2022	7799	Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 12/2021	196,00	80.000	80.000	15.680.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										271.485.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 24/03/2022 14:12:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 24/03/2022 17:16:48
Chức danh: Chủ tịch đơn vị
Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

Số: 746 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế và người bị áp dụng biện pháp cách ly tại khoa Bệnh nhiệt đới
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tháng 11 + tháng 12 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện tháng 12 năm 2021 và tiền ăn bổ sung tháng 11 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

* Mức chi cụ thể như sau:

- Tiền ăn cho nhân viên y tế được điều động vào làm tại khu cách ly tháng 12/2021: 23 người với tổng số ngày công là 196 ngày

80.000 đồng x 196 ngày = 15.680.000 đồng

- Bổ sung tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tháng 11/2021 là 02 người với tổng số ngày công là 16 ngày:

80.000 đồng x 16 ngày = 1.280.000 đồng

Điều 2. Tổng số tiền chi: 16.960.000 đồng.

(Bằng chữ: Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *len*



Nguyễn Bá Việt

Số: 745/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp thường trực 24/24 giờ trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tháng 12 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viên đa khoa tỉnh;

Căn cứ quyết định số 92/QĐ-BVT ngày 11/01/2022 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh tháng 12 năm 2021

- Phụ cấp công tác thường trực PC dịch tháng 12: 44.655.000 đồng

Số người hưởng PC: 54 người

Số ngày : 344 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 44.655.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi tư triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19

năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Meu*



Nguyễn Bá Việt

Số: 744 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong
tháng 12 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 92/QĐ-BVT ngày 11/01/2022 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh và phụ cấp cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Covid – 19 trong tháng 12 năm 2021 đối với Cán bộ Y tế – người lao động

* Cụ thể như sau:

- **Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 12/2021: 211.150.000 đồng**

+ Phụ cấp chống dịch: 167.050.000

Số người hưởng PC: 105 người

Số ngày : 569 ngày

+ Phụ cấp chống dịch công tác phân luồng: 44.100.000

Số người hưởng PC: 69 người

Số ngày : 441 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 211.150.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Non*



Nguyễn Bá Việt



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 12/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)							167.050.000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MAC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19						534	160.050.000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	16	4.800.000		1,3,4,6,9,10,11,14,15,16,22,23,25,26,29,31/12
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	12	3.600.000		1,2,5,6,8,13,15,16,20,22,25,27/12
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	15	4.500.000		3,5,7,9,11,15,17,19,20,22,23,24,27,28,30/12
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	15	4.500.000		1,2,4,9,10,14,15,17,20,23,24,25,27,28,31/12
5	Vũ Thị Mận	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	13	3.900.000		1,6,7,8,10,11,12,16,17,18,22,26,29/12
6	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	11	3.300.000		7,8,14,18,21,22,24,28,29,30,31/12
7	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	13	3.900.000		1,5,6,7,10,12,14,16,17,21,24,25,30/12

8	Đào Thị Thu Hoài	K GPB	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	1	300.000		26/12
9	Đào Thị Thủy	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	9	2.700.000		6.11.16.21.26.27.28.29.30/12
10	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	12	3.600.000		4.6.10.11.13.16.17.19.22.25.27.30/12
11	Đặng Đỗ Khánh huyền	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	8	2.400.000		2.6.19.22.23.24.26.26/12
12	Nguyễn Hồng Ngọc	Vsinh		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		2.13.18.22.24.28.31/12
13	Vũ Văn Phú	HSTC	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 06/12
14	Đặng Văn Quảng	HSTC		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	1,5	450.000		15.1/2 16/12
15	Phạm Thị Minh Hiền	HSTC		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 01/12
16	Nguyễn Xuân Thanh	HSTC		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 22/12
17	Nguyễn Thị Minh Giang	Nhi		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 06/12
18	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 01/12
19	Nguyễn Văn Doanh	Nhi		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 30/12
20	Chu Tuấn Thành	Hô hấp		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	1,5	450.000		1/2 01.06.22/12
21	Phạm Thị Lan Phương	Hô hấp		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	1,5	450.000		15.1/2 16/12
22	Lưu Thị Hoàn	Nội TH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 06/12
23	Vũ Thị Linh	Nội TH	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 06/12
24	Hoàng Thị Giang	Nội TH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 15/12
25	Đỗ Quang Thế	Mắt		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	1	300.000		1/2 06.30/12
26	Lê Đức Tuấn	Mắt		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	1	300.000		1/2 16.22/12
27	Đinh Ngọc Sơn	GMHS		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 06/12
28	Nịnh Thị Phương	Ngoại	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 06/12
29	Đỗ Thị Kim Tuyền	Ngoại		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 15/12
30	Đoàn Thị Vân Anh	YHCT		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 15/12
31	Bùi Như Quỳnh	YHCT		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 01/12

32	Phạm Thị Hải Ninh	YHCT		300.000
33	Nguyễn Diệp Linh	TDCN		300.000
34	Vũ Thị Hương	KKB		300.000
35	Phạm Thị Thủy	KKB		300.000
36	Nguyễn Thành Đạt	Tim mạch		300.000
37	Bùi Mai Phương	Tim mạch	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu xét nghiệm COVID	300.000
38	Bùi Thị Diệu	UB		300.000
39	Nguyễn Văn Toán	RHM		300.000
40	Nguyễn Bình Duy	TMH		300.000
41	Nịnh Thị Minh	LK		300.000
42	Trương Thị Mến	LK		300.000
43	Đinh Việt Hải	BND		300.000
44	Phạm Văn Ngà	BND		300.000
45	Phạm Thị Hải Ninh	BND	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000
46	Trần Thị Lý	BND		300.000
47	Phan Thị Thu Thủy	BND		300.000
48	Nguyễn Thị Phương Thảo	BND		300.000
49	Nguyễn Thị Nam	BND		300.000
50	Nguyễn Thị Hương	BND		300.000
51	Trần Thị Hoài	BND		300.000
52	Trần Mạnh Cường	BND	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000
53	Dương Thị Oanh	BND		300.000
54	Phạm Thị Ánh Tuyết	BND		300.000
55	Trần Thu Ngân	BND		300.000

'01/12/2021	31/12/2021	1	300.000		1/2 16/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 15/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 01/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 16/12
'01/12/2021	31/12/2021	1,5	450.000		1/2 01.16.30/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 16/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 16/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 16/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 16/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 22/12
'01/12/2021	31/12/2021	0,5	150.000		1/2 22/12
'01/12/2021	31/12/2021	12	3.600.000		01-12/12
'01/12/2021	31/12/2021	12	3.600.000		1.2.22-31/12
'01/12/2021	31/12/2021	19	5.700.000		13-21.31/12
'01/12/2021	31/12/2021	10	3.000.000		01-05/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		01-05/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		01-05/12
'01/12/2021	31/12/2021	16	4.800.000		06-20.31/12
'01/12/2021	31/12/2021	8	2.400.000		13-20/12
'01/12/2021	31/12/2021	15	4.500.000		13-27/12
'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		25-31/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		27-31/12
'01/12/2021	31/12/2021	1	300.000		31/12
'01/12/2021	31/12/2021	1	300.000		31/12

56	Lê Thị Minh Hằng	BND		300.000
57	Vương Thị Lò	BND		300.000
58	Nguyễn Văn Cung	HSTC		300.000
59	Lê Thanh Duyệt	HSTC		300.000
60	Vũ Anh Tuấn	HSTC	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000
61	Vũ Đình Đức	HSTC		300.000
62	Vũ Văn Tuấn	CDHA		300.000
63	Đinh Bá Khánh	CDHA		300.000
64	Lê Tiến Tùng	CDHA		300.000
65	Đỗ Thị Ngân	NTH		300.000
66	Nguyễn Thị Loan	NTH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000
67	Nguyễn Thị Quế	NTH		300.000
68	Phạm Thị Hồng Nhung	NTH		300.000
69	Phạm Thị Thu Hà	NTH		300.000
70	Nguyễn Trung Kiên	NTH		300.000
71	Phạm Phương Thảo	NTH		300.000
72	Lương Thị Lý	NTH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000
73	Lưu Thị Hoàn	NTH		300.000
74	Vũ Thị Linh	NTH		300.000
75	Hòa Thị Lan Anh	NTH		300.000
76	Nguyễn Văn Hân	NTH		300.000
77	Đào Thu Hiền	NTH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000
78	Phạm Trung Kiên	NTH		300.000
79	Nguyễn Thanh Tùng	LK		300.000

'01/12/2021	31/12/2021	10	3.000.000	22-31/12
'01/12/2021	31/12/2021	12	3.600.000	20-31/12
'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000	13-19/12
'01/12/2021	31/12/2021	2	600.000	30.31/12
'01/12/2021	31/12/2021	2	600.000	30.31/12
'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000	13-19/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	01-05/12
'01/12/2021	31/12/2021	12	3.600.000	20-31/12
'01/12/2021	31/12/2021	14	4.200.000	06-19/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	04-08/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	04-08/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	04-08/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	04-08/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	04-08/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	9-13/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	9-13/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	9-13/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	9-13/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	9-13/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	14-18/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	14-18/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	14-18/12
'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000	14-18/12
'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000	14-20/12

80	Trịnh Trần Nga	LK	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		14-20/12	
81	Đinh Thị Thúy An	LK		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		14-20/12	
82	Đinh Thị Xuyên	LK		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		14-20/12	
83	Trần Thị Thúy Nga	LK		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		14-20/12	
84	Nguyễn Thị Bích Liên	LK		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	7	2.100.000		14-20/12	
85	Đào Phương Diễm	NTH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		04-08/12	
86	Thiều Thị Duyên	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		04-08/12	
87	Lương Thị Thúy Hằng	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		04-08/12	
88	Hà Thị Tươi	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		04-08/12	
89	Hoàng Thị Giang	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		04-08/12	
90	Phùng Thị Hạnh Ly	NTH	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		09-13/12	
91	Phạm Văn Thanh	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		09-13/12	
92	Nguyễn Thị Giang	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		09-13/12	
93	Lưu Thị Thu Hương	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		09-13/12	
94	Mã Phương Thảo	NTH		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	5	1.500.000		09-13/12	
95	Nguyễn Đan Sâm	YHCT	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHỊ MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300.000	'01/12/2021	31/12/2021	8	2.400.000		16-22/12	
96	Dương Thị Thảo	YHCT		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	8	2.400.000		16-22/12	
97	Nguyễn Thị Luyến	YHCT		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	8	2.400.000		16-22/12	
98	Đoàn Thị Vân Anh	YHCT		300.000	'01/12/2021	31/12/2021	8	2.400.000		16-22/12	
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2							35	7.000.000		
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200.000	01/12/2021	31/12/2021	14	2.800.000			

2	Phạm Thị Lan Hương	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	01/12/2021	31/12/2021	3,5	700.000		1/2 (11.15.17.22.27.29)/12
3	Nguyễn Thị Tuyết Hương	K KSNK		200.000	01/12/2021	31/12/2021	3,5	700.000		1/2(9.13.16.20.24.28.31)/12
4	Nguyễn Thị Diệp Hà	K KSNK		200.000	01/12/2021	31/12/2021	3,5	700.000		1/2 (11.15.17.22.27.29)/12
5	Nguyễn Đăng Lâm	K KSNK		200.000	01/12/2021	31/12/2021	3,5	700.000		1/2(9.13.16.20.24.28.31)/12
6	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	01/12/2021	31/12/2021	3,5	700.000		1/2 (11.15.17.22.27.29)/12
7	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200.000	01/12/2021	31/12/2021	3,5	700.000		1/2(9.13.16.20.24.28.31)/12

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

[Signature]
Nguyễn Thị Vũ

[Signature]
Hương Quỳnh Hoa

[Signature]
Phạm Thị Nguyệt Ánh

[Signature]
Ngô Thủy Quỳnh



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tháng 12/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						441	44.100.000		
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000		5.11.21/12
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	8	800.000		5.7.8.11.13.20.23.27/12
3	Nguyễn T Huyền Trang	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.15.16.17.19.20/12
4	Nguyễn Thị Tuyết	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	8	800.000		22.23.24.25.26.28.29.30/12
5	Bùi Thị Hường	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.15.16.17.19.20/12
6	Đỗ Quang Thế	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	8	800.000		22-26/12.28.29.31/12
7	Dương Hồng Hà	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13-17.19.20/12
8	Vũ Huy Hoàng	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	8	800.000		22-26.28.29.31/12
9	Đinh Văn Cường	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000		1.2.4.5.7.8.10.13-17.19.20.22/12
10	Đào Thị Thu Hoài	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	7	700.000		23-26.28.29.31/12
11	Đào Thị Hường	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13-17.19.20/12
12	Đinh Ngọc Sơn	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	8	800.000		22-26.28.29.31/12

13	Lưu Thị Thu Hương	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	12	1.200.000	20.22-26.28.29.31/12 1.3.4.6.7.9-
14	Phạm Thị Ninh	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	13.15.16.18.19.21/12 22.24.25.27.28.30.31/12
15	Nguyễn Thị Thu Hà	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	7	700.000	6.7.9.10.12.13.15.16.1
16	Nguyễn T Mai Phương	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	8.19.21.22.24.25.2/12
17	Nguyễn T. Kim Duyên	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	28.30.31/12 1.3.4.6.7.9.10.12.13.1
18	Nguyễn Ngọc Diệp	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	5.16.18.19.21.22/12
19	Đoàn Thị Vân Anh	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	6	600.000	24.25.27.28.30.31/12 1.3.4.6.7.9.10.12.13.1
20	Nguyễn Thanh Ngân	Sinh hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	5.16.18.19.21.22/12
21	Nguyễn Thị Hương	Sinh hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	6	600.000	24.25.27.28.30.31/12 1.3.4.6.7.9.10.12.13.1
22	Nguyễn Hà Phương	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	5.16.18.19.21.22/12
23	Vũ Thị Hồng Yến	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	6	600.000	24.25.27.28.30.31/12 1.3.4.6.7.9.10.12.13.1
24	Đoàn Văn Vịnh	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	5.16.18.19.21.22/12
25	Bùi Văn Trai	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	6	600.000	24.25.27.28.30.31/12 2.3.5.6.8.9.11.12.14.1
26	Trần Văn Phát	Ứng bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	7.18.20.21.23.26/12
27	Bùi Thị Diệu	Ứng bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	27.29.30/12 2.3.5.6.8.9.11.12.14.1
28	Nguyễn Thị Trang	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	7.18.20.21.23.26/12
29	Phùng Thị Thanh Thủy	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	27.29.30/12 2.3.5.6.8.9.11.12.14.1
30	Phan Cẩm Vân	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	7.18.20.21.23.26/12
31	Dư Thị Huyền	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	27.29.30/12 2.3.5.6.8.9.11.12.14.1
32	Nguyễn Thị Dung	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	7.18.20.21.23.26/12
33	Lê Duy Hưng	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	27.29.30/12 2.3.5.6.8.9.11.12.14.1
34	Nguyễn Thị Vân Anh	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	7.18.20.21.23.26/12
35	Lý Thị Cúc	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	27.29.30/12 2.3.5.6.8.9.11.12.14.1
36	Giáp Đoàn Thom	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.500.000	7.18.20.21.23.26/12

37	Nguyễn T Thu Trang	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	27.29.30/12
38	Bùi T.Hương Giang	PTTKCS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	9	900.000	7.10.11.13-17.19/12
39	Nguyễn T Ánh Nguyệt	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	3	300.000	1.3.4/12
40	Nguyễn Thị Dự	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	17.29/12
41	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	1.14/12
42	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	8.24/12
43	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	7.24/12
44	Huỳnh Lê Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	12.28/12
45	Nguyễn Thị Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	10.25/12
46	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	1	100.000	16/12
47	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	1	100.000	15/12
48	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	6.22/12
49	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	14.31/12
50	Phạm Tuấn Anh Mạnh	PTTKCS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	13.29/12
51	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	5.21/12
52	Trần Việt Hoa	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	4	400.000	6.12.21.26/12
53	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	4.20/12
54	Phan Kim Hương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	13.28/12
55	Hoàng Hữu Tuấn	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	1.17/12
56	Nguyễn Thị Xuân	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	10.30/12
57	Nguyễn Bích Nga	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	4.19/12
58	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	9.25/12
59	Nguyễn Thanh uân	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	9.27/12
60	Đinh Đức Thuần	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000	2.18/12

61	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		3.20/12
62	Đỗ Thị Thanh Huyền	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		3.19/12
63	Nguyễn Thị An	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		8.26/12
64	Dặng Văn Thành	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		6.22/12
65	Bùi Thị Bích Liên	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		7.23/12
66	Lê Xuân Quang	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		11.27/12
67	Dặng Lan Anh	BND	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		16.31/12
68	Đỗ Thị Nhung	Vĩ Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		15.30/12
69	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100.000	01/12/2021	31/12/2021	2	200.000		2.18/12

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

[Signature]

Nguyễn Thị Văn Hoàng Quỳnh Hoa

[Signature]

[Signature]

Phu Thị Nguyệt Ánh

[Signature]

Ngô Thùy Quỳnh



Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 12/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)								60.335.000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC							344	44.655.000		
1	Trịnh Thị Hương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	NTH	130000		01/12/2021	31/12/2021	5	650.000		Trực 14.18.22.26.30/12
2	Nguyễn Thị Út	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130000		01/12/2021	31/12/2021	3,5	455.000		Trực 4.11.19.25/12
3	Bùi Thị Thanh Hương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130000		01/12/2021	31/12/2021	0,5	65.000		Trực 3/12
4	Vũ Phương Tiên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/12/2021	31/12/2021	3	390.000		Trực 15.23.27/12
5	Hoàng Văn Huân	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Nhi	130000		01/12/2021	31/12/2021	5	650.000		Trực 6.9.17.20.28/12
6	Ngô Văn Kiên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/12/2021	31/12/2021	3,5	455.000		Trực 2.4.7.12/12
7	Hỷ Thị Lan	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 31/12
8	Trần Nhật Toán	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130000		01/12/2021	31/12/2021	10,5	1.365.000		Trực 6-31/12
9	Hoàng Thị Chi	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Lão học	130000		01/12/2021	31/12/2021	4	520.000		Trực 1.5.10.29/12
10	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130000		01/12/2021	31/12/2021	1,5	195.000		Trực 1.2.3/12

11	Lưu Việt Anh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Ngoại	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 24/12
12	Vũ Thị Hương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 31/12
13	Nguyễn Thị Loan	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/12/2021	31/12/2021	2	260.000		Trực 11.25/12
14	Nguyễn Thị Ngọc	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/12/2021	31/12/2021	5	650.000		Trực 3.11.17.25.31/12
15	Nguyễn Thị Hằng	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/12/2021	31/12/2021	13,5	1.755.000		Trực 1-31/12
16	Vũ Thị Thương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/12/2021	31/12/2021	3	390.000		Trực 2.8.14/12
17	Hoàng Hà My	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/12/2021	31/12/2021	13	1.690.000		Trực 1-31/12
18	Phạm Thu Trang	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130000		01/12/2021	31/12/2021	1,5	195.000		Trực 3.17/12
19	Khúc Văn Huân	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Ngoại	130000		01/12/2021	31/12/2021	3	390.000		Trực 8.13.16/12
20	Trương Thị Mên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Lão Học	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 5/12
21	Đào Thúy Vân	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PK CS3	130000		01/12/2021	31/12/2021	4	520.000		Trực 12.16.22.28/12
22	Bùi Thị Bích Hồi	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	UB	130000		01/12/2021	31/12/2021	3	390.000		Trực 16.22.28/12
23	Phạm Thị Ngát	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130000		01/12/2021	31/12/2021	6	780.000		Trực 1.7.13.19.23.29/12
24	Nguyễn Thị Thu Trang	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PK CS2	130000		01/12/2021	31/12/2021	7	910.000		Trực 2.6.8.14.20.26.30/12
25	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	RHM	130000		01/12/2021	31/12/2021	3	390.000		Trực 5.9.15
26	Nguyễn Thị Bích Liên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Lão học	130000		01/12/2021	31/12/2021	2	260.000		Trực 9.27/12
27	Vũ Thị Hồng Yến	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	RHM	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 21/12
28	Nguyễn Thị Tính	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Nhi	130000		01/12/2021	31/12/2021	2	260.000		Trực 15.21/12
29	Nguyễn Diệp Linh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PHCN	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 19/12
30	Nguyễn Văn Toán	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	RHM	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 27/12
31	Vũ Thị Thương	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/12/2021	31/12/2021	3	390.000		Trực 20.26.30/12

32	Lê Đức Tuấn	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Mắt	130000		01/12/2021	31/12/2021	2	260.000		Trực 6.12/12
33	Loan Như Tuyên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PHCN	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực 23/12
34	Đoàn Thị Vân Anh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	YHCT	130000		01/12/2021	31/12/2021	4	520.000		Trực 1.7.13.28.29/12
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH											
35	Nguyễn Việt Khang	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	CDHA	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực ngày 05/12
36	Phan Văn Thường		CDHA	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực ngày 07/12
37	Trần Văn Dũng		CDHA	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực ngày 08/12
38	Đinh Bá Khánh		CDHA	130000		01/12/2021	31/12/2021	1	130.000		Trực ngày 14/12
TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID											
39	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130.000		01/12/2021	31/12/2021	12	1.560.000		Trực 2.4.8.11.13.16.18.22.25.27.29.31/12
40	Dặng Thị Thuý		PGĐ	130.000		01/12/2021	31/12/2021	15	1.950.000		Trực 2.4.6.8.10.11.13.15.17.19.21.23.25.27.30/12
41	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130.000		01/12/2021	31/12/2021	10	1.300.000		Trực 1.3.6.10.12.14.16.20.28.31/12
42	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		01/12/2021	31/12/2021	10	1.300.000		Trực 5.7.9.15.18.20.22.24.26.29/12
43	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKH/TH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	15	1.950.000		Trực 1.3.5.7.9.12.14.17.19.21.23.24.26.28.30/12
TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẢN											
44	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 1.3.4.6.8.11.13.16.18.20.22.24.26.28.30.31/12
45	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27.29.31/12
46	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 1.3.5.7.9.11.13.15.17.19.21.23.25.27.29.30/12
47	Phạm Thị Phương Thuý		KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 1.2.5.7.9.10.12.15.17.19.21.23.25.27.29.31/12

48	Nguyễn Thị Thu Phương	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 2.4.5.7.10.12.13.14.16.18.20.22.24.26.28.30/12
49	Dặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 2.3.4.6.8.9.11.14.16.18.20.22.24.26.28.30/12
50	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 2.4.6.8.10.12.14.15.17.19.21.23.25.27.29.31/12
51	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trục phân luồng, sàng lọc	HCQT	130.000		01/12/2021	31/12/2021	15	1.950.000		Trực 2.3.4.8.9.10.14.15.16.20.21.22.26.27.28/12
52	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130.000		01/12/2021	31/12/2021	16	2.080.000		Trực 1.5.6.7.11.12.13.17.18.19.23.24.25.29.30.31/12
53	Bùi Trọng Oánh	Trực lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000		01/12/2021	31/12/2021	7	910.000		Trực 4.16.17.20.24.28.29/12
54	Hoàng Văn Dũng		HCQT	130.000		01/12/2021	31/12/2021	6	780.000		Trực 11.14.15.22.27.30/12
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)							196	15.680.000		
1	Đinh Việt Hải	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	12	960.000		01-12/12
2	Phạm Văn Ngà		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	12	960.000		1.2.22-31/12
3	Phạm Thị Hải Ninh		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	19	1.520.000		13-21.31/12
4	Trần Thị Lý		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	10	800.000		01-05/12
5	Phan Thị Thu Thủy		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	5	400.000		01-05/12
6	Nguyễn Thị Phương Thảo		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	5	400.000		01-05/12
7	Nguyễn Thị Nam		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	16	1.280.000		06-20.31/12
8	Nguyễn Thị Hương		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	8	640.000		13-20/12
9	Trần Thị Hoài		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	15	1.200.000		13-27/12
10	Trần Mạnh Cường		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	7	560.000		25-31/12
11	Dương Thị Oanh		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	5	400.000		27-31/12
12	Phạm Thị Ánh Tuyết		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	1	80.000		31/12
13	Trần Thu Ngân		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	1	80.000		31/12
14	Lê Thị Minh Hằng		BND		80.000	01/12/2021	31/12/2021	10	800.000		22-31/12

15	Vương Thị Lò	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BND	80.000	01/12/2021	31/12/2021	12	960.000		20-31/12
16	Nguyễn Văn Cung		HSTC	80.000	01/12/2021	31/12/2021	7	560.000		13-19/12
17	Lê Thanh Duyệt		HSTC	80.000	01/12/2021	31/12/2021	2	160.000		30-31/12
18	Vũ Anh Tuấn		HSTC	80.000	01/12/2021	31/12/2021	2	160.000		30-31/12
19	Vũ Đình Đức		HSTC	80.000	01/12/2021	31/12/2021	7	560.000		13-19/12
20	Vũ Văn Tuấn		CDHA	80.000	01/12/2021	31/12/2021	5	400.000		01-05/12
21	Đinh Bá Khánh		CDHA	80.000	01/12/2021	31/12/2021	12	960.000		20-31/12
22	Lê Tiến Tùng		CDHA	80.000	01/12/2021	31/12/2021	14	1.120.000		06-19/12
23	Vũ Văn Tuấn		CDHA	80.000	01/12/2021	31/12/2021	9	720.000		22-30/11

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

26.4
Nguyễn Thị Vũ

Klein
Nguyễn Quỳnh Hoa

lyh
Phạm Thị Nguyệt Ánh

Ánh
Đặng Thị Ánh Nguyệt

10/12/2021

BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
 (Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số DT-03 ngày 24 tháng 3 năm 2022)
 Tài khoản dự toán: 9527.2.1017339.00000 Tài khoản tiền gửi :
 1. Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH
 2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản 440280701009 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch, phụ cấp trực, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 12/2021

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Số tài khoản người hưởng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	
	Tổng Cộng :			271.485.000	0	0	0	0	271.485.000	0	0	
1	Dao Thi Hong Hanh	44010000086724	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
2	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
3	Phung Thi Thanh Thuy	44010000086849	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
4	Pham Tuan Anh Manh	44010000083585	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
5	Tran Thi Viet Hoa	44010000086733	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
6	Bui Ngoc Son	44010000086122	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
7	Dao Thi Thuy	44010000295937	BIDV Quảng ninh	2.700.000					2.700.000			



8	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng ninh	2.800.000					2.800.000			
9	Nguyen Dang Lam	44010000083080	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
10	Pham Thi Lan Huong	44010000086104	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
11	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
12	Dinh Viet Hai	44010000082290	BIDV Quảng ninh	4.560.000					4.560.000			
13	Le Thi Minh Hang	44010000082971	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
14	Nguyen Thi Huong	44010000199358	BIDV Quảng ninh	3.040.000					3.040.000			
15	Pham Thi Hai Ninh	44010000358122	BIDV Quảng ninh	7.220.000					7.220.000			
16	Nguyen Thi An	44010000083309	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
17	Nguyen Dan Sam	44010000081987	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
18	Nguyen Thi Luyen	44010000413094	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
19	Nguyen Thi Ngoc Diep	44010000082166	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
20	Tran Thi Tuyet	44010000082023	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
21	Dao Thi Thu Hoai	44010000206355	BIDV Quảng ninh	1.000.000					1.000.000			
22	Dinh Duc Thuan	44010000086380	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
23	Do Thanh Huyen	44010000083275	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
24	Nguyen Thanh Ngan	44010000083381	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
25	Nguyen Thi Huong	44010000083406	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
26	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng ninh	2.250.000					2.250.000			
27	Dang Van Thanh	44010000090275	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
28	Le Thanh Dung	44010000290437	BIDV Quảng ninh	760.000					760.000			
29	Le Xuan Quang	44010000181674	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
30	Nguyen Van Cung	44010000467772	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
31	Trinh Tran Nga	44010000088739	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			

32	Nguyen Thi Hang	44010000082698	BIDV Quảng ninh	1.755.000					1.755.000			
33	Nguyen Thi Loan	44010000082759	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
34	Pham Thu Trang	44010000084320	BIDV Quảng ninh	195.000					195.000			
35	Thieu Thi Duyen	44010000296091	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
36	Dao Thanh Hung	44010000082722	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
37	Bui Thi Bich Lien	44010000084302	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
38	Bui Thi Thanh Huong	44010000296055	BIDV Quảng ninh	65.000					65.000			
39	Nguyen Thi Ut	44010000530160	BIDV Quảng ninh	455.000					455.000			
40	Tran Nhat Toan	44010000476158	BIDV Quảng ninh	1.365.000					1.365.000			
41	Le Thi Xuan	44010000090150	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
42	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng ninh	1.300.000					1.300.000			
43	Nguyen Thi Mai Phuong	44010000253926	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
44	Hoang Van Huan	44010000295973	BIDV Quảng ninh	650.000					650.000			
45	Nguyen Thi Minh Giang	44010000084579	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
46	Vu Xuan Van	44010000111334	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
47	Huynh Le Tu	44010000086043	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
48	Dao Phuong Diem	44010000459478	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
49	Do Thi Ngan	44010000353109	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
50	Hoa Thi Lan Anh	44010000529423	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
51	Luong Thi Thuy Hang	44010000088854	BIDV Quảng ninh	1.600.000					1.600.000			
52	Nguyen Thi Giang	44010000082041	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
53	Nguyen Van Han	44010000410688	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
54	Pham Phuong Thao	44010000242003	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
55	Pham Van Thanh	44010000529432	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			

56	Ha Thi Tuoi	44010000221774	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
57	Phung Thi Hanh Ly	44010000356533	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
58	Hoang Thi Hai	44010000082342	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
59	Loan Nhu Tuyen	44010000324442	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
60	Dinh Huu Trung	44010000082157	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
61	Duong Van Trung	44010000082412	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
62	Nguyen Thanh Tuan	44010000088757	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
63	Nguyen Thi Thuy Hang	44010000082184	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
64	Nguyen Van Toan	44010000190494	BIDV Quảng ninh	280.000					280.000			
65	Nguyen Thi Du	44010000085484	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
66	Pham Cam Van	44010000085271	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
67	Du Thi Huyen	44010000316777	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
68	Nguyen Thi Tuyen	44010000082209	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
69	Tran Van Quan	44010000083877	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
70	Dinh Thi Thuy An	44010000529450	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			
71	Dinh Thi Xuyen	44010000308765	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			
72	Nguyen Thanh Tung	44010000529399	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			
73	Tran Thi Thuy Nga	44010000084676	BIDV Quảng ninh	2.300.000					2.300.000			
74	Nguyen Thi Bich Lien	44010000769007	BIDV Quảng ninh	2.360.000					2.360.000			
75	Dao Thuy Van	44010000084153	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
76	Hoang Thi Thu Trang	44010000199154	BIDV Quảng ninh	3.600.000					3.600.000			
77	Nguyen Thi Bich Nga	44010000576979	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
78	Pham Quang Huy	44010000149405	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
79	Hy Thi Lan	44010000529867	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			

80	Ngo Van Kien	44010000530577	BIDV Quảng ninh	455.000					455.000			
81	Phan Kim Huong	44010000204447	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
82	Nguyen Thi Dung	44010000477887	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
83	Ly Thi Cuc	44010000485534	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
84	Nguyen Binh Duy	44010000175163	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
85	Nguyen Thi Mai	44010000084232	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
86	Nguyen Thi Van Anh	44010000249749	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
87	Trinh Ngoc Duong	44010000083345	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
88	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng ninh	4.800.000					4.800.000			
89	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng ninh	1.300.000					1.300.000			
90	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
91	Vu Van Tuan	44010000252464	BIDV Quảng ninh	2.220.000					2.220.000			
92	Bui Van Trai	44010000381580	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
93	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng ninh	1.950.000					1.950.000			
94	Dang Thi Anh Tuyen	44010000646872	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
95	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
96	Nguyen Thi Hoang Yen	44010000083354	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
97	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
98	Pham Thi Phuong Thuy	44010000120844	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
99	Vu Thi Thuy	44010000082555	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
100	Le Hoai Thanh	44010000085138	BIDV Quảng ninh	1.950.000					1.950.000			
101	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
102	Trinh Văn Mạnh	44010000259553	BIDV Quảng ninh	1.560.000					1.560.000			
103	Nguyen Thi Diép Ha	44010000086362	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			

104	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
105	Bui Trong Oanh	44010000577635	BIDV Quảng ninh	910.000					910.000			
106	Duong Thi Oanh	44010000320112	BIDV Quảng ninh	1.900.000					1.900.000			
107	Nguyen Thi Nam	44010000413915	BIDV Quảng ninh	6.080.000					6.080.000			
108	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng ninh	4.560.000					4.560.000			
109	Tran Manh Cuong	44010000221747	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
110	Dinh Van Cuong	44010000351422	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
111	Dang Van Quang	44010000302235	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
112	Nguyen Xuan Thanh	44010000221491	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
113	Nguyen Thi Loan	44010000467781	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
114	Vu Huy Hoang	44010000258967	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
115	Le Duy Hung	44010000241532	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
116	Tran Van Phat	44010000072149	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
117	Phan Van Thuong	44010000413687	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
118	Nguyen Thi Trang	44010000478066	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
119	Bui Thi Huong Giang	44010000954724	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
120	Nguyễn Thi Thu Trang	44010000954751	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
121	Giap Doan Thom	44010000954760	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
122	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
123	Nguyen Thi Tuyet Huong	44010000086265	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
124	Nguyen Thi Ph Thao	44010000479643	BIDV Quảng ninh	1.900.000					1.900.000			
125	Pham Thi Anh Tuyet	44010000615395	BIDV Quảng ninh	380.000					380.000			
126	Tran Thi Thu Ngan	44010000812503	BIDV Quảng ninh	380.000					380.000			
127	Tran Thi Hoai	44010000818741	BIDV Quảng ninh	5.700.000					5.700.000			

128	Tran Thi Ly	44010000810598	BIDV Quảng ninh	3.800.000					3.800.000			
129	Phan Thi Thu Thuy	44010000409765	BIDV Quảng ninh	1.900.000					1.900.000			
130	Vuong Thi Lo	44010000477878	BIDV Quảng ninh	4.560.000					4.560.000			
131	Doan Thi Van Anh	44010000258505	BIDV Quảng ninh	3.670.000					3.670.000			
132	Duong Thi Thao	44010000179439	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
133	Bui Nhu Quynh	44010000478118	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
134	Pham Thi Hai Ninh	44010000301816	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
135	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng ninh	3.900.000					3.900.000			
136	Pham Thi Minh Hien	44010000701416	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
137	Vu Anh Tuan	44010000620344	BIDV Quảng ninh	760.000					760.000			
138	Vu Dinh Duc	44010000612651	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
139	Vu Van Phu	44010000612679	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
140	Nguyen Thi Bích Ngọc	44010000478127	BIDV Quảng ninh	650.000					650.000			
141	Pham Thi Thuy	44010000615289	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
142	Hoang Ha My	44010000813807	BIDV Quảng ninh	1.690.000					1.690.000			
143	Vu Thi Huong	44010000479528	BIDV Quảng ninh	280.000					280.000			
144	Do Quang The	44010000259030	BIDV Quảng ninh	1.100.000					1.100.000			
145	Bui Thi Hường	44010000954867	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
146	Lê Đức Tuan	44010000811209	BIDV Quảng ninh	560.000					560.000			
147	Chu Tuan Thanh	44010000615678	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
148	Nguyen Thi Thu Ha	44010000479421	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
149	Pham Thi Lan Phuong	44010000620609	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
150	Pham Thi Ngat	44010000409613	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			
151	Pham Thi Ninh	44010000573998	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			

152	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng ninh	195.000					195.000			
153	Do Thi Kim Tuyen	44010000616608	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
154	Nguyen Thi Kim Duyen	44010000615270	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
155	Ninh Thi Phuong	44010000701249	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
156	Khuc Van Huan	44010000810835	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
157	Luu Viet Anh	44010000817298	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
158	Nguyen Thi Thuy	44010000478394	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
159	Nguyen Thi Tinh	44010000420845	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
160	Nguyen Van Doanh	44010000311514	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
161	Nguyen Thi Anh Nguyet	44010000202238	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
162	Dao Thi Hien	44010000705764	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
163	Hoang Thi Giang	44010000604807	BIDV Quảng ninh	1.650.000					1.650.000			
164	Luong Thi Ly	44010000229848	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
165	Luu Thi Hoan	44010000478400	BIDV Quảng ninh	1.650.000					1.650.000			
166	Luu Thi Thu Huong	44010000309218	BIDV Quảng ninh	2.700.000					2.700.000			
167	Nguyen Thi Que	44010000120631	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
168	Nguyen Trung Kien	44010000592045	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
169	Pham Thi Hong Nhung	44010000119806	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
170	Pham Thi Thu Ha	44010000615571	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
171	Pham Trung Kien	44010000259137	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
172	Tran Thi Thu Thao	44010000701267	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
173	Trinh Thi Huong	44010000592063	BIDV Quảng ninh	650.000					650.000			
174	Vu Thi Linh	44010000616121	BIDV Quảng ninh	1.650.000					1.650.000			
175	Duong Hong Ha	44010000620627	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			

176	Nguyen Diep Linh	44010000817322	BIDV Quảng ninh	280.000					280.000			
177	Dao Thi Huong	44010000421149	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
178	Dinh Ngoc Son	44010000477443	BIDV Quảng ninh	950.000					950.000			
179	Nguyen Ha Phuong	44010000954858	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
180	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng ninh	730.000					730.000			
181	Nguyen Thi Huyen Trang	44010000360747	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
182	Hoang Thi Chi	44010000682016	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
183	Ninh Thi Minh	44010000620681	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
184	Truong Thi Men	44010000533345	BIDV Quảng ninh	280.000					280.000			
185	Nguyen Thi Thu Trang	44010000615650	BIDV Quảng ninh	910.000					910.000			
186	Bui Thi Mai Phuong	44010000616103	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
187	Vu Phuong Tien	44010000591264	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
188	Nguyen Thanh Dat	44010000690055	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
189	Vu Thi Thuong	44010000701258	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			
190	Bui Thi Bich Hoi	44010000356719	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
191	Bui Thi Dieu	44010000817890	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
192	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng ninh	4.500.000					4.500.000			
193	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng ninh	3.900.000					3.900.000			
194	Nguyen Hong Ngoc	44010000954928	BIDV Quảng ninh	2.100.000					2.100.000			
195	Dang Do Khanh Huyen	44010000954937	BIDV Quảng ninh	2.400.000					2.400.000			
196	Vũ Thùy Dung	44010000820454	BIDV Quảng ninh	3.300.000					3.300.000			
197	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng ninh	4.500.000					4.500.000			
198	Doan Van Vinh	44010000616060	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
199	Nguyen Viet Khang	44010000616024	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			

200	Ta Quang Tuan	44010000701470	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
201	Tran Van Dung	44010000467639	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
202	Lê Tien Tung	44010000810561	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
203	Dinh Ba Khanh	44010000954919	BIDV Quảng ninh	4.690.000					4.690.000			
204	Nguyen Thi Hai Yen	44010000810677	BIDV Quảng ninh	2.080.000					2.080.000			
205	Hoang Van Dung	44010000193651	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			

Bảng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng
Người lập biểu **Kê Toán trưởng**



Phạm Thị Thu Hường

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên



Nguyễn Thị Vinh

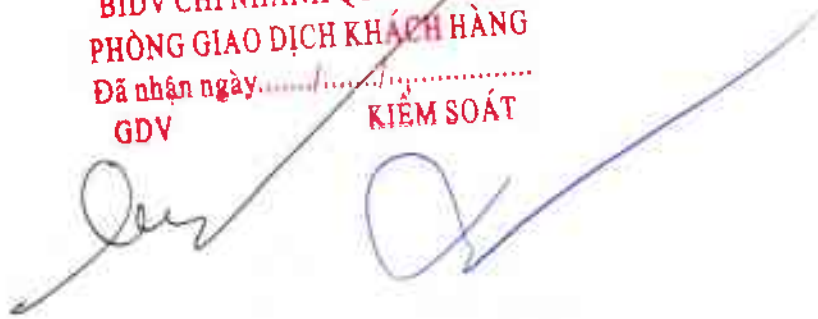


Nguyễn Bá Việt

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng

được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện

BIDV CHI NHÁNH QUẢNG NINH
PHÒNG GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG
Đã nhận ngày...../...../.....
GDV **KIỂM SOÁT**





Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Ngày ký: 25/03/2022 17:03:19
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành
thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS
Số: PT22-446/
220324_1017339_2811004
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☒

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân cách ly Tháng 12/2021 kèm theo Quyết định số 746B/QĐ-BVT ngày 23/03/2022	7799	423	132	12	1.280.000
Tổng cộng					1.280.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại KBNN (NH):

Hoặc người nhận tiền: Nguyễn Thị Mai Hương

Số CMND: 031171002574 Cấp ngày: 20/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 24/03/2022 14:15:45
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 24/03/2022 17:16:38
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 25/03/2022 16:27:36
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 25/03/2022 11:21:11
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 220324_1017339_2811005

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 220324_1017339_2811004 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 12
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			PT22-446	24/03/2022	7799	Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân cách ly Tháng 12/2021 kèm theo Quyết định số 746B/QĐ-BVT ngày 23/03/2022	16,00	80.000	80.000	1.280.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										1.280.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 24/03/2022 14:15:45
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 24/03/2022 17:16:38
Chức danh: Chủ sở hữu
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

Số: 746B /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi bổ sung tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tại khoa Bệnh
nhiệt đới - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh**
Tháng 12 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện tháng 11 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

- Bổ sung tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tháng 11/2021 là 02 người với tổng số ngày công là 16 ngày:

80.000 đồng x 16 ngày = 1.280.000 đồng

Điều 2. Tổng số tiền chi: **1.280.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Meur*



Nguyễn Bá Việt

vị: Bệnh viện đa khoa

KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-

Nội dung: Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y

ĐVT: đồng

ST T	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/ yy)	Đến ngày (mm/dd/ yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng				16	1.280.000		
1	Nguyễn Văn Dũng	80000	23/11	30/11	8	640.000		
2	Phạm Thị Nhân	80000	23/11	30/11	8	640.000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

KHOA DINH DƯỠNG

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Việt

 Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

 Ngô Thủy Quỳnh